

Bản án: **02 /2020/HNGĐ - ST**

Ngày 22 - 4 - 2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2- Ông Lương Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:132/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST- DS, ngày 17/3/2020, Thông báo hoãn phiên tòa số 02/TBTA ngày 01/4/2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1967; Có mặt
Địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Bà Trương Thị K, sinh năm 1965; Vắng mặt không lý do
Địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn P trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn cùng bà Trương Thị K vào tháng 11/1985, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn; cưới xong bà K về gia đình ông ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 5 năm 2010, do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng thường xuyên cãi

nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Vợ chồng đã ly thân về tình cảm từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 12 năm 2012, từ tháng 12/2012 vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa cho đến nay.

Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa giải quyết cho ông và bà K được ly hôn nhau.

b) Về con chung: Ông và bà K có 02 con chung là Hoàng Thị L, sinh ngày 13/9/ 1986 và Hoàng Văn L1, sinh năm 1993; hiện nay các cháu đã trưởng thành và đã lập gia đình ở riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về tài sản, công nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Trương Thị K trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn cùng ông Hoàng Văn P vào tháng 11/1985, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn; cưới xong bà về gia đình ông P ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 5 năm 2010, do ông P sống không chung thủy với bà mà đã đi ở với người con gái khác, vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Vợ chồng đã ly thân về tình cảm từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 12 năm 2012, từ tháng 12/2012 vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa cho đến nay.

Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà muốn vợ chồng về sống đoàn tụ nên ông P xin ly hôn bà không đồng ý.

b) Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung là Hoàng Thị L sinh ngày 13/9/ 1986 và Hoàng Văn L1, sinh năm 1993; hiện nay các cháu đã trưởng thành và đã lập gia đình ở riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về tài sản, công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà: Ông Hoàng Văn P vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà K được ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Phần tranh luận: Do bị đơn vắng mặt nên không có tranh luận.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, còn bị đơn không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ trong việc chấp hành pháp.

Do Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn bà K vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà K là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 18, 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hoàng Văn P và bà Trương Thị K được ly hôn nhau.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản: Ông P, bà K không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Hoàng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập đến làm việc, hòa giải và phiên tòa nhưng bà K không đến làm việc là chấp hành chưa nghiêm, bà K vi phạm về nghĩa vụ chấp hành pháp luật.

Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Trương Thị K vẫn vắng mặt tại phiên tòa; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn ông Hoàng Văn P cung cấp, lời khai bà Trương Thị K và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Ông Hoàng Văn P kết hôn với bà Trương Thị K tháng 11 năm 1985, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn; cưới xong ông P và bà K chung sống với nhau tại thôn N, xã Y, huyện S, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy ông P và bà K không có đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ – QH10 về hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà K là hợp pháp;.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5 năm 2010, do vợ chồng không hợp nhau nên có nhiều bất đồng quan điểm, vợ chồng cũng ly thân từ tháng 5/2010 cho đến tháng 12 năm 2012 vợ chồng không chung sống cùng nhau cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Xét thấy, ông P và bà K mâu thuẫn đã kéo dài không đoàn tụ được, hai bên không quan tâm giúp đỡ cho nhau trong cuộc sống, ông P và bà K đã vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng theo Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P, cho ông P và bà K được ly hôn nhau theo Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

b) Về con chung: Ông P, bà K có 02 con chung nhưng các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

c) Về tài sản: Ông P, bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

d) Về án phí: Ông Hoàng Văn P là người dân tộc thiểu số (Tày) thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhưng ông P không xuất trình được giấy tờ chứng minh nên ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 18 và 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hoàng Văn P và bà Trương Thị K được ly hôn nhau.

[2] Về án phí: Ông Hoàng Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai số AA/2010/007104, ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Y;
- Lưu HS, VP .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn

